TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 10/2020/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Hoàng Văn Khảm.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên, (vắng mặt).

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX - ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị M, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 1 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y vào ngày 09 tháng 9 năm 2011. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình nhà anh T ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do anh T không quan tâm gì đến vợ con, chơi bời, cờ bạc dẫn tới nợ nần,

phá tán tài sản của gia đình. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh T không chịu sửa đổi. Đỉnh điểm tháng 9 năm 2018, anh Thức đã đánh đập chị nên chị đưa 02 con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân với nhau. Trong thời gian anh chị sống ly thân, hai bên gia đình cũng tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm để vợ chồng chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh T không hề thay đổi bản chất, vẫn ăn chơi đua đòi. Tháng 12 năm 2019 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính bắt buộc đối với anh T thời hạn 18 tháng. Hiện nay anh T đang đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị ngày 19/3/2020, anh T trình bày:

Anh xác định về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như lời trình bày trên của chị M là đúng. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, anh T xác định. Từ đầu năm 2018 trong cuộc sống hàng ngày giữa anh và chị M sống đã có sự bất đồng quan điểm, không hiểu nhau dẫn đến thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 9 năm 2018, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình cũng đã tím biện pháp để hàn gắn tình cảm cho anh và chị M về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh thừa nhận, do chán nản nên anh đã sa ngã vào con đường nghiện ngập. Hiện nay anh đang phải cai nghiện ma túy bắt buộc theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Y tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 23/12/2019. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị M và anh T đều xác định, vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 25/5/2012; cháu Nguyễn Tùng M1, sinh ngày 15/9/2015 và cháu Nguyễn Phương Tú A, sinh ngày 08/3/2017. Hiện tại cháu L đang ở cùng với bố mẹ anh T còn cháu M1 và cháu A đang ở cùng chị M. Ly hôn anh T có nguyện vọng xin được nuôi cháu L, còn cháu M1 và cháu Tú A đề nghị giao cho chị M nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị M trình bày: Mặc dù hoàn cảnh của chị hiện nay có khó khăn nhưng thời gian này anh T đang phải đi cai nghiện ma túy không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L được nên chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung khi nào anh T trở về nếu anh Thức có nguyện vọng thay đổi quyền nuôi con thì chị và anh T sẽ thỏa thuận với nhau bằng một vụ án dân sự khác. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị Mai và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc có văn bản thông báo cho Tòa án biết ngày 15/6/2020 bà Nguyễn Thị Giang là Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án này có lịch công tác đột xuất nên không tham gia được phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị M là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Mai và anh Thức đều thừa nhận, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 09 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Đình T là bị đơn trong vụ án đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân huyện Y tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc nên anh T không thể tham gia phiên tòa được, vì vậy anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đình T theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Giang là Kiểm sát viên vắng mặt có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Giang.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị M xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Căn cứ vào lời trình bày của chị M và anh T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị M và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị M và anh T đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến thiếu sự chia sẻ thường xuyên cãi chửi nhau,

do chán nản anh T đã chơi bời xa ngã vào con đường nghiện ma túy nên thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con. Khi tình cảm vợ chồng dạn nứt, hai bên gia đình đã tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm cho anh chị về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con nhưng không có kết quả. Tháng 9 năm 2018, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cả chị M và anh T không ai tìm biện pháp gắn kết lại tình cảm mà chọn cách sống buông xuôi, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Khi chị M xin ly hôn, anh T đồng ý ngay. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xác định, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M và anh T đều thừa nhận, vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Tùng L sinh ngày 25/5/2012; cháu Nguyễn Tùng M1, sinh ngày 15/9/2015 và cháu Nguyễn Phương Tú A, sinh ngày 08/3/2017. Hiện tại cháu L đang ở cùng với bố mẹ anh T còn cháu M1 và cháu A đang ở cùng chị M. Ly hôn, chị M và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con, anh T xin được nuôi cháu L còn cháu M1 và cháu Tú A giao cho chị M nuôi. Tại phiên tòa, chị M có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung khi nào anh T trở về nếu anh T có nguyện vọng dịch chuyển quyền nuôi con thì chị và anh T sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, lời khai của ông Nguyễn Viết T1 bà Nguyễn Thị T2 là bố mẹ anh T thấy rằng. Hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu Tú A còn ông T1 bà T2 đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Nguyện vọng của chị M xin được nuôi cả 03 con còn anh T xin được nuôi cháu L và giao cho cháu M và cháu Tú A cho chị M nuôi dưỡng. Xét thấy, việc nuôi dạy và chăm sóc các con vừa là quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Hoàn cảnh của chị M hiện tại có khó khăn, nếu một mình chị M nuôi dưỡng cả 03 con thì cũng vất vả nên nguyện vọng xin nuôi cháu L của anh T là hợp lý. Tuy nhiên tại thời điểm này, anh T đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính của Tòa án tại Cở sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu L được mà phải nhờ đến sự giúp đỡ của người thân trong gia đình. Theo quy định, người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con phải là bố hoặc mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa nguyện vọng xin nuôi cả 03 con chung của chị M là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị M được quyền nuôi dưỡng cả 03 con chung khi nào anh T chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính của Tòa án tại Cở sở cai nghiện ma túy tỉnh

Vĩnh Phúc trở về nếu anh T có nguyện vọng dịch chuyển quyền nuôi con thì anh T sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2/ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 25/5/2012; Nguyễn Tùng M1, sinh ngày 15/9/2015 và Nguyễn Phương Tú A, sinh ngày 08/3/2017 cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M và không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh T.

3/ Về án phí: Chị Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005490 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA.DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh